

Những thành tựu trong thực hiện công bằng xã hội với dân chủ ở Việt Nam hiện nay

● TRẦN VĂN PHÒNG * - BÙI PHƯƠNG THÙY **

Tóm tắt: Thực hiện công bằng xã hội là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện và thực hành dân chủ. Nhận thức rõ điều này, hơn 30 năm đổi mới Đảng và Nhà nước ta đã làm hết sức mình để đạt những thành tựu to lớn thực hiện công bằng xã hội trên các lĩnh vực: kinh tế; chính trị; văn hóa - xã hội... Chính những thành tựu đạt được trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản nêu trên đã củng cố, thực hành và phát huy dân chủ cho mỗi người dân.

Công bằng và dân chủ được Đảng ta xác định là những mục tiêu không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, tạo động lực cho nhau và cho phát triển kinh tế - xã hội: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp^(*). Công bằng và dân chủ là những mục tiêu lâu dài, những giá trị bền vững, đang từng bước được chúng ta hiện thực hóa trong quá trình đổi mới vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Trong đó, thực hiện công bằng xã hội vừa có vai trò như những tiền đề, điều kiện của dân chủ lại vừa biểu đạt dân chủ, cho thấy mức độ của dân chủ. Sẽ không thể có dân chủ nếu một xã hội không có công bằng, bởi dân chủ chỉ có thể hình thành trong một môi trường bình đẳng. Chính vì lẽ đó, xây dựng nền dân chủ xã

hội chủ nghĩa chính là xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ. Hơn 30 năm đổi mới, nền dân chủ nước ta đã có những bước tiến căn bản mà một trong những nguyên nhân của nó là chúng ta đã đạt được những thành tựu nhất định trong thực hiện công bằng xã hội, trước hết trên một số lĩnh vực cơ bản sau:

Trên lĩnh vực kinh tế:

Thứ nhất, thực hiện công bằng xã hội đã từng bước góp phần xác lập địa vị làm chủ của người lao động đối với tư liệu sản xuất, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Trước đổi mới, ở nước ta chỉ có hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể. Việc phân phối tư liệu sản xuất được tập trung cho hai khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền phân phối tư liệu sản xuất theo kế hoạch tập trung. Trong khi đó, không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với các đơn vị được cấp vốn. Điều này đã dẫn tới tình trạng vô chủ đối với tư

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

liệu sản xuất trong các hợp tác xã. Tình trạng này diễn ra tương tự đối với loại hình kinh tế quốc doanh. Vì thế dẫn đến hệ quả sử dụng tư liệu sản xuất kém hiệu quả, nhiều nguồn lực đã không được khai thác, nhiều tiềm năng đã không được phát huy: “Các xí nghiệp nói chung chỉ sử dụng được khoảng một nửa công suất thiết kế”, “Tài nguyên của đất chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng”⁽³⁾.

Sang thời kỳ đổi mới, với việc đa dạng hóa các hình thức sở hữu, trong đó, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất giữ vai trò chủ đạo, các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội như tài nguyên, đất đai, vốn, tài sản... thuộc quyền sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện sở hữu. Tuy nhiên, để người dân phát huy tối đa quyền làm chủ của mình với tư liệu sản xuất, đòi hỏi Nhà nước với chức năng điều tiết phân phối tư liệu sản xuất một cách công bằng, hợp lý. Theo đó, các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội do Nhà nước quản lý được phân bổ cho mọi chủ thể kinh tế trong xã hội dựa trên hiệu quả sử dụng chúng theo cơ chế thị trường. “Đất đai, tài nguyên, vốn, tài sản do Nhà nước đại diện chủ sở hữu được giao cho các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế sử dụng theo nguyên tắc hiệu quả. Các chủ thể có quyền và nghĩa vụ như nhau trong sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước”⁽⁴⁾, đồng thời “huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường”⁽⁵⁾. Hiệu quả ở đây được hiểu là hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Nguyên tắc phân phối dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội là công bằng, vì nó đã đảm bảo sự tương xứng giữa cống hiến và hưởng thụ. Thực hiện công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất bên cạnh nguyên tắc dựa trên sự tương xứng giữa cống hiến và hưởng thụ trong một số trường hợp cần phải tính đến các nguyên tắc phân phối khác nữa. Bởi các chủ thể có xuất phát điểm khác nhau, nên với các chủ thể kinh tế có xuất phát điểm bất lợi hơn thì nhất thiết

phải có sự hỗ trợ về cơ chế, chính sách, nguồn vốn. Ở đây, Nhà nước phải thực hiện điều phối các nguồn lực một cách hợp lý để những khu vực ít có điều kiện thuận lợi vẫn có thể có được cơ hội phát triển tốt hơn, khắc phục và ngăn chặn nguy cơ tụt hậu tại các khu vực đó, đảm bảo cho mọi khu vực đều được hưởng thụ những cơ hội cũng như thành quả của sự phát triển chung. Với tinh thần đó, Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển những vùng kinh tế động lực; có chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo”⁽⁶⁾.

Việc phân phối công bằng tư liệu sản xuất một mặt đảm bảo mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mặt khác buộc các chủ thể được phân phối tư liệu sản xuất phải suy nghĩ, tính toán, chủ động sáng tạo, để sử dụng tư liệu sản xuất với hiệu quả cao nhất. Tư liệu sản xuất khi được sử dụng hiệu quả sẽ nâng cao năng suất, chất lượng lao động, góp phần phát triển kinh tế đất nước và cải thiện thu nhập của người lao động.

Thứ hai, Đảng và Nhà nước ta luôn đảm bảo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các chủ thể bình đẳng trong việc tiếp cận tư liệu sản xuất và những điều kiện sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền tự do kinh doanh.

Đề tạo điều kiện cho các chủ thể sản xuất kinh doanh có thể phát huy tốt năng lực của mình, bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn khẳng định: “Bảo đảm cho mọi công dân quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm, quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu tài sản hợp pháp, quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội và các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin”⁽⁶⁾.

Việc ban hành các Luật Doanh nghiệp năm 1999, năm 2005 và năm 2014 góp phần tạo sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Người dân và các thành phần kinh tế được bình

đăng trước pháp luật, được tự do sản xuất kinh doanh những gì pháp luật không cấm, được khuyến khích làm giàu chính đáng, được bảo hộ... phát huy quyền làm chủ của các chủ thể kinh tế. Nhờ đó, sức sản xuất của xã hội phát triển mạnh, giúp đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, trở thành nước phát triển có thu nhập trung bình, đời sống của nhân dân được cải thiện rất rõ.

Thứ ba, thực hiện công bằng trong phân phối sản phẩm đã đảm bảo lợi ích vật chất cho người lao động, đảm bảo quyền làm chủ của người dân trong lĩnh vực phân phối.

Dưới góc độ kinh tế, lao động, việc làm và phân phối lợi ích tương ứng với kết quả lao động là nội dung kinh tế của dân chủ, đây cũng là nội dung mà quyền dân chủ được thể hiện một cách rộng rãi và trực tiếp.

Hiện nay, chúng ta: “thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”⁽⁷⁾. Theo đó, ở nước ta hiện nay có ba hình thức phân phối cơ bản: một là, phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế (là hình thức phân phối chủ yếu); hai là, phân phối theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác; ba là: phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Đây là nguyên tắc phân phối đảm bảo công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Đặc biệt, tại Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh việc chú trọng giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trong đó, “tạo mọi cơ hội để mọi người có việc làm và cải thiện thu nhập. Bảo đảm tiền lương, thu nhập công bằng, đủ điều kiện sống và tái sản xuất sức lao động”... “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về tiền lương, tiền công, khắc phục cơ bản những bất hợp lý”⁽⁸⁾.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công

bằng xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi vì, nó đảm bảo cho mỗi người dân lao động chân chính có những tư liệu sản xuất tối thiểu, làm chủ chúng. Đó là cách thức khuyến khích, kích thích, phát huy quyền làm chủ và khả năng làm chủ kinh tế của các chủ thể, góp phần thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân. Việc thực hiện công bằng xã hội trong kinh tế còn góp phần quan trọng trong việc ổn định xã hội. Bởi nó tạo ra sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh tế, các nhóm xã hội, từ đó tạo dựng được lòng tin của các chủ thể kinh tế vào Nhà nước và chế độ xã hội. Xã hội ổn định là cơ sở, điều kiện để phát huy dân chủ.

Trên lĩnh vực chính trị:

Thực hiện công bằng xã hội đã tạo điều kiện và cơ hội bình đẳng cho người dân tham gia vào đời sống chính trị của đất nước, thực hiện quyền làm chủ của mình. Thước đo mức độ dân chủ là sự bình đẳng của người dân tham gia tổ chức, quản lý nhà nước cũng như mức độ, khả năng lôi cuốn nhân dân tham gia quản lý nhà nước.

Với việc đặt con người vào vị trí trung tâm, mục tiêu và động lực của sự phát triển, Đảng và Nhà nước đã nỗ lực xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quyền con người. Nhiều chính sách kinh tế - xã hội hướng vào việc bảo đảm quyền con người theo nguyên tắc bình đẳng, công bằng được ban hành như: chính sách kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chính sách bảo vệ quyền tự do sản xuất kinh doanh, chính sách lao động, việc làm, giáo dục, y tế, an sinh xã hội...

Thực hiện công bằng xã hội bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của công dân, mọi công dân bình đẳng trước pháp luật. Hiến pháp năm 1992 và sau này là Hiến pháp năm 2013 đã quy định, trách nhiệm của Nhà nước là phải “bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân...” (Điều 3, Hiến pháp 2013). Nghĩa vụ của Nhà nước là tạo điều kiện để công dân tham gia quản

lý nhà nước và xã hội; công khai minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân (Điều 28, Hiến pháp 2013).

Cùng với việc đảm bảo mọi công dân bình đẳng trước pháp luật, Nhà nước phải tạo điều kiện để mọi công dân được tham gia vào các công việc của nhà nước theo quy định của hiến pháp và pháp luật; được kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan công quyền và các công chức nhà nước theo quy định... Đến nay, hầu hết các luật, bộ luật trước khi thông qua đều được thảo luận, lấy ý kiến rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân. Luật bầu cử của nước ta quy định rõ việc bầu cử được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Nhà nước ta luôn tạo điều kiện nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều có cơ hội ngang nhau tham gia bầu cử, nghiêm cấm mọi sự phân biệt dưới bất cứ hình thức nào. Số lượng cử tri tham gia bỏ phiếu qua các kỳ bầu cử luôn đạt tỷ lệ cao. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu đạt 99,35%⁽⁹⁾.

Với sự phát triển nhanh của phương tiện truyền thông đại chúng, các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do thông tin của người dân ngày càng được đảm bảo hơn. Các cơ quan báo chí truyền thông nước ta đã phát huy được vai trò thực sự là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước. Các tổ chức chính trị xã - hội thực sự là nơi để nhân dân thể hiện được tinh thần tự do, dân chủ, nêu lên chính kiến, nguyện vọng của mình, cũng như thông tin với các cơ quan của Đảng và Nhà nước về những vấn đề bức xúc trong cuộc sống, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, các tệ nạn xã hội,... tạo thành dư luận tác động đến sự vận hành của xã hội, làm cho xã hội ta ngày càng tốt đẹp.

Với những kết quả đã đạt được trong việc thực hiện công bằng xã hội, quyền làm chủ của nhân dân thực sự được mở rộng, nâng cao. Người dân được tham gia vào công việc chung

của cộng đồng, họ được nói tiếng nói của mình, đề đạt nguyện vọng của mình để đảm bảo lợi ích của mình. Những vấn đề về quyền lợi của người dân được giải quyết tạo ra bầu không khí cởi mở, thẳng thắn, có sự đồng thuận cao, góp phần nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, ổn định xã hội.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội:

Thứ nhất, trên lĩnh vực giáo dục. Điều 10, Luật giáo dục năm 2015 của nước ta quy định về quyền và nghĩa vụ học tập của công dân: Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình⁽¹⁰⁾. Với nội dung trên có thể thấy công bằng trong giáo dục là tiền đề đồng thời cũng là nội dung biểu hiện dân chủ trong giáo dục.

Để đảm bảo mọi người đều có cơ hội bình đẳng trong giáo dục, trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách có liên quan như: Luật Phổ cập giáo dục tiểu học được Quốc hội thông qua năm 1991; Nghị định Số: 88/2001/NĐ-CP của Chính phủ Về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ban hành ngày 22.11.2001; Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09.02.2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015... Nhờ vậy, quy mô, hình thức giáo dục,

đào tạo không ngừng được mở rộng, tạo cho mọi người dân có cơ hội được học tập, nâng cao trình độ. Chúng ta đã xây dựng được hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, khá hoàn chỉnh bao gồm đủ các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo với các loại hình trường, lớp, từng bước hòa nhập với xu thế chung của thế giới. Cơ hội đến trường đã được mở rộng cho mọi đối tượng, tạo mặt bằng dân trí tối thiểu cho đất nước.

Trên cơ sở tạo sự bình đẳng về cơ hội học tập, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm tạo nhiều cơ hội khác nhau phù hợp cho mọi người dân đều được học tập, phát huy năng lực, sở trường của mình. Mô hình giáo dục của nước ta trong thời gian qua không ngừng được mở rộng, tạo điều kiện cho người dân có nhiều cơ hội được tham gia học tập: giáo dục chính quy, giáo dục vừa làm vừa học, giáo dục từ xa, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng. Đồng thời, Nhà nước còn triển khai mạnh mẽ việc xã hội hóa giáo dục, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các trường ngoài công lập với các loại hình đa dạng, trên cơ sở quy định của Nhà nước đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân.

Cùng với đó, Nhà nước tăng cường đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, miễn giảm các khoản đóng góp đối với học sinh dân tộc thiểu số, thực hiện chính sách cử tuyển trong giáo dục. Nhờ vậy mà cơ hội tiếp cận giáo dục của học sinh thiểu số ngày càng được nâng cao. Nhà nước cũng quan tâm tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách, những người có năng khiếu có cơ hội học tập, phát triển. Với những nội dung như trên, quá trình chúng ta thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục cũng chính là đang từng bước đề tiên tới dân chủ trong lĩnh vực này.

Thứ hai, trên lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực y tế ở nước ta thời gian qua đã đảm bảo cho mọi người dân có quyền được chăm sóc sức khỏe,

được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, được tiếp cận với nguồn lực của xã hội đầu tư vào lĩnh vực y tế.

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam là làm tất cả, từ những việc nhỏ nhất để chăm lo cho sức khỏe con người, để con người có cơ hội phát triển toàn diện; phần đầu thực hiện chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân, đảm bảo thực hiện công bằng xã hội trong y tế. “Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội để mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tâm vóc con người Việt Nam”⁽¹¹⁾. Việt Nam đã xây dựng được hệ thống cung ứng dịch vụ y tế khá hoàn chỉnh với mạng lưới y tế cơ sở rộng khắp giúp người dân dễ dàng tiếp cận và thực hiện quyền chăm sóc sức khỏe. Bảo hiểm y tế đang đóng vai trò tích cực giúp tăng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ y tế. Đây được xem như là công cụ tạo nên sự công bằng trong chăm sóc sức khỏe toàn dân. Độ bao phủ bảo hiểm y tế mở rộng làm tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế người dân. Mức độ bao phủ của bảo hiểm y tế ở Việt Nam tăng dần qua các năm, năm 2006 gần 44,4%; năm 2010 là 60,3%; năm 2014 là 70,8%⁽¹²⁾, trong đó có tỉ lệ đáng kể người nghèo và các đối tượng chính sách, yếu thế tham gia. Hiện nay, 100% người nghèo, người dân tộc thiểu số được Nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí để mua bảo hiểm y tế. Với những hộ cận nghèo, Chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ để họ tham gia bảo hiểm y tế. Nhờ vậy, quyền được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng được đảm bảo và hiện thực hóa.

Thứ ba, trên lĩnh vực văn hóa, thông tin. Để đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực văn hóa, thông tin Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng pháp luật, chính sách theo hướng bảo đảm công bằng xã hội nhằm tạo cơ hội, điều kiện cho mọi tầng lớp

nhân dân đều có thể tiếp cận, hưởng thụ các giá trị văn hóa.

Trong những năm qua, thông tin, truyền thông đại chúng phát triển nhanh cả về số lượng, quy mô lẫn chất lượng góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin cho người dân ở mọi vùng miền đất nước. Nhờ đó, sự chênh lệch về cơ hội, điều kiện hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền được rút ngắn, cơ hội lựa chọn và tiếp cận thông tin của người dân được mở rộng, góp phần nâng cao tri thức, ý thức chính trị, pháp luật, tâm hồn con người cũng phong phú hơn.

Công tác phát triển văn hóa ở địa phương cũng được đầu tư nhiều hơn. Đến nay, 100% xã, phường từ miền xuôi đến vùng dân tộc, miền núi có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc điểm bưu điện văn hóa xã, tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân có cơ hội hưởng thụ, tham gia vào các hoạt động giữ gìn, bảo tồn, phát triển văn hóa.

Đảng và Nhà nước ta trong thời gian qua dành nhiều sự quan tâm phát triển văn hóa cho các đối tượng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo,... Đời sống văn hóa của nhân dân vùng này đã được cải thiện rõ rệt.

Trong lĩnh vực sáng tác, các tài năng văn hóa nghệ thuật được khuyến khích phát triển. Đảng và Nhà nước ban hành chính sách tạo điều kiện để mọi người dân được tham gia một cách tự chủ trong quá trình sáng tạo và hưởng thụ những giá

trị văn hóa, được đóng góp sức lực và trí tuệ vào sự phát triển văn hóa. Quyền tự do sáng tạo văn hóa nghệ thuật của các văn nghệ sĩ, của nhân dân các dân tộc được tôn trọng, v.v...

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản nêu trên đã kích thích tính tích cực, chủ động trong mỗi người Việt Nam, mang lại các cơ hội phát triển cho đông đảo quần chúng nhân dân, tạo ra những điều kiện tốt nhất có thể để con người Việt Nam phát huy quyền làm chủ, quyền dân chủ của mình trên thực tế./

(1) Nguồn: <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/van-kien-dai-hoi/khoa-vii/doc41012201511375546.html>

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb. Sự thật, H., 1987, tr. 17.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. CTQG, H., 2011, tr. 207.

(4), (5), (8) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H., 2016, tr. 86, 24-25, 136.

(6), (11) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb. CTQG, H., 2006, tr. 230, 33.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. CTQG, H., 2011, tr. 205.

(9) Báo cáo tóm tắt: Tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

(10) Xem: Văn bản hợp nhất 07/VBHN-VPQH năm 2015 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Giáo dục.

(12) Số liệu từ Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế.

Accomplishments in Realizing Social Equality and Democracy in Vietnam Today

Abstract: *The actualization of social equality is one of the important solutions to materialize and exercise democracy. With this thinking in mind, the Party and the State has done their best to gain big achievements in realizing social equality in economics, politics, culture and society in more than 30 years of renovation. The accomplishments in realizing social equality in Vietnam in the context of renovation in the aforesaid sectors have reinforced and promoted the democracy for the people.*